

Bản tin Phân tích kỹ thuật

03/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G8000 thu hẹp đà tăng sau khi tiếp cận vùng 1.925 điểm. Dự báo hợp đồng có thể điều chỉnh về vùng 1.900-1.905 điểm trước khi tiếp tục tăng trở lại. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh vùng 1.918 điểm với mục tiêu tại vùng 1.905 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.925 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.918 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.905 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.925 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tiêu cực
VN30	Trung tính	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính

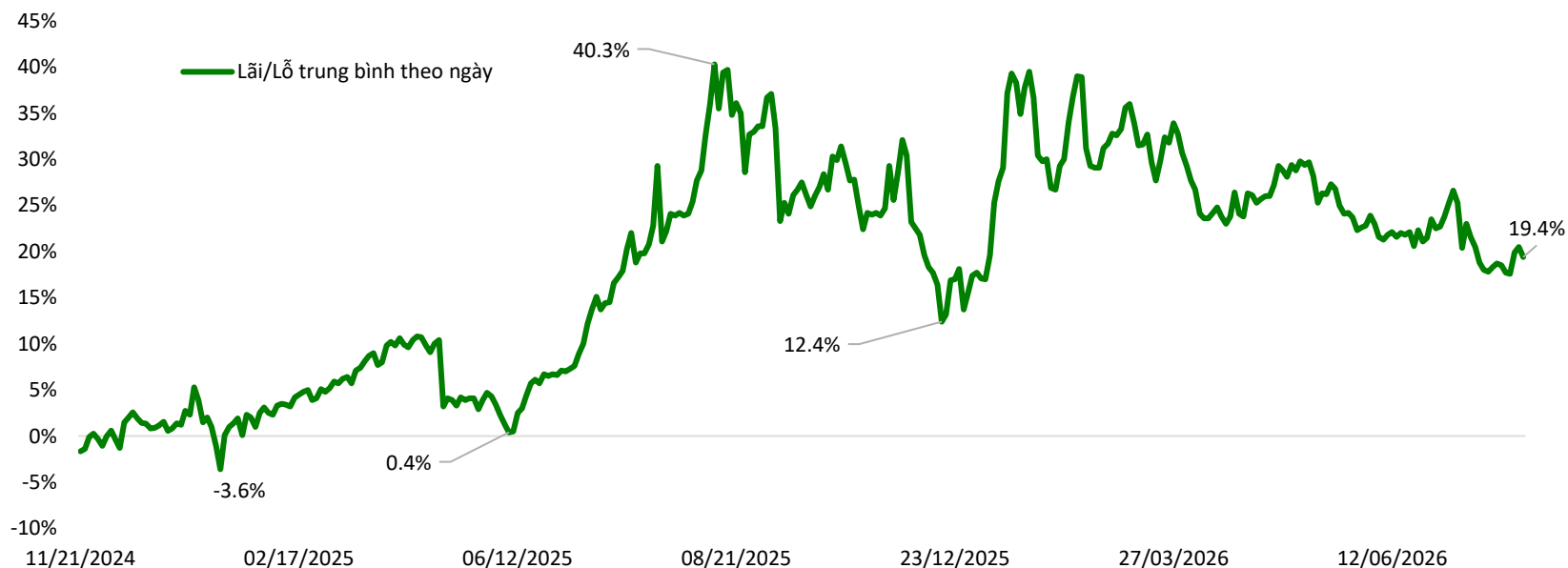


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng mạnh trong phiên đầu tuần, đi kèm sự cải thiện của lực cầu tại Ngân hàng quốc doanh và tư nhân, Bất động sản vốn hóa vừa và nhỏ, Bán lẻ, Vật liệu, Công nghệ và Bảo hiểm. So với tuần trước, dòng tiền đã bắt đầu mở rộng sang nhiều nhóm ngành hơn. Đáng chú ý, khi chỉ số tiếp cận vùng giá cao quanh 1.767 điểm, thị trường chưa ghi nhận áp lực bán bất thường tại bất kỳ nhóm ngành nào.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index duy trì nhịp tăng giá và tín hiệu tạo đáy quanh vùng 1.650 điểm. Hiện tại, mục tiêu gần của chỉ số là vùng 1.770–1.800 điểm. Đáng chú ý, đây là vùng điểm tựa trung hạn quan trọng đã bị vi phạm trong nhịp điều chỉnh trước đó, nên áp lực điều chỉnh bất chợt có thể xuất hiện khi VN-Index tiếp cận khu vực này. Hỗ trợ gần hiện nằm tại vùng 1.725–1.730 điểm.
- Đánh giá rủi ro, nhịp hồi phục hiện tại được dẫn dắt bởi lực mua trên nhiều nhóm ngành, qua đó giảm khả năng VN-Index vi phạm vùng 1.725 điểm và quay lại kiểm định hỗ trợ 1.650 điểm trong thời gian tới. Nói cách khác, nếu áp lực điều chỉnh xuất hiện tại vùng 1.770–1.800 điểm, biên độ giảm nhiều khả năng sẽ được giới hạn quanh vùng 1.725 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VNM	30/07/2026		Đang mở	60,300	59,800	0.8%	58,000	65,000	59,800	
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,100	75,000	2.8%	72,000	85,000		
VIC	31/07/2026		Đang mở	213,000	215,000	-0.9%	204,000	247,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBB	24,000	6.67%	10.85%	193,320	2.624	3,734	1.3	6.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,800	2.53%	12.59%	508,025	2.617	4,984	2.1	12.2	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	213,000	-0.51%	-0.23%	1,653,346	-1.730	2,921	9.8	72.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FPT	71,700	6.86%	15.27%	122,917	1.716	5,866	3.1	12.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,800	3.25%	10.61%	246,989	1.633	5,172	1.2	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	22,550	3.92%	10.81%	190,389	1.518	2,750	1.4	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCB	29,950	3.45%	6.02%	212,233	1.493	3,829	1.2	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	71,200	3.79%	6.43%	171,802	1.326	5,265	2.5	13.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,500	2.82%	3.87%	202,315	1.163	3,758	1.1	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	23,000	6.98%	6.98%	71,564	1.017	1,574	7.6	14.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	137,700	-2.34%	0.15%	180,030	-0.858	5,432	9.6	25.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	26,000	3.17%	2.77%	130,137	0.841	3,897	1.5	6.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	72,500	3.72%	16.31%	106,993	0.810	6,667	3.0	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,550	2.97%	1.12%	130,890	0.791	2,701	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	53,000	2.32%	-1.85%	158,326	0.747	3,780	3.7	14.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

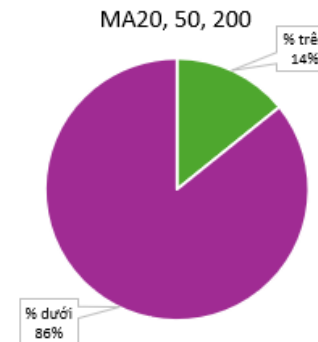
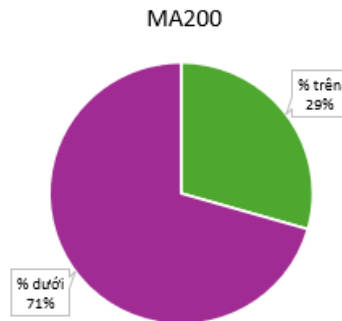
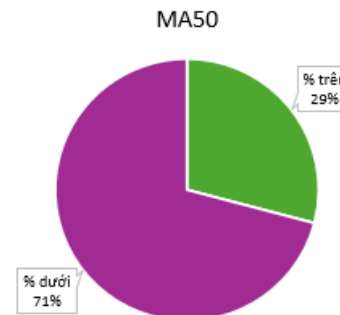
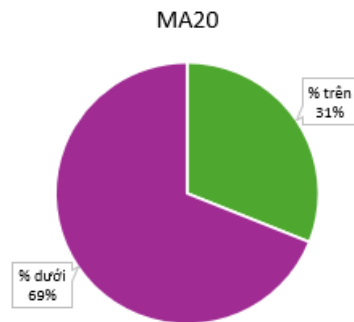
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	131,600	9.94%	6.13%	50,666	4.216	396	10.0	332.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	114,000	1.97%	21.54%	34,200	0.563	11,736	5.2	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
NVB	11,600	1.75%	4.50%	33,926	0.498	155	2.4	75.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	14,300	-3.38%	-3.38%	15,276	-0.432	476	1.4	30.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	18,500	2.78%	6.32%	18,517	0.431	1,828	1.6	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	79,000	0.64%	1.54%	71,083	0.379	17,023	3.3	4.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	12,000	5.26%	11.11%	7,149	0.315	322	1.1	37.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	15,600	2.63%	9.09%	14,032	0.309	1,119	1.1	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,300	2.15%	5.71%	13,901	0.250	5,201	2.1	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PGS	62,000	9.35%	5.08%	3,100	0.243	2,718	3.1	22.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	83,000	2.34%	10.81%	252,021	0.021	4,019	6.7	20.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	53,700	6.13%	9.59%	63,835	0.014	2,296	4.1	23.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	40,000	2.04%	4.17%	142,376	0.010	3,117	1.9	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	66,500	4.89%	9.02%	48,796	0.008	4,936	3.8	13.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	33,900	14.92%	14.92%	14,319	0.008	2,782	2.6	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	80,500	9.38%	13.54%	13,185	0.004	4,159	1.8	19.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MSR	37,300	1.36%	6.88%	40,954	0.002	2,209	2.9	16.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHP	38,800	3.74%	11.49%	12,634	0.002	3,743	1.9	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	37,000	-2.63%	5.71%	17,562	-0.002	598	3.9	61.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	34,700	0.87%	2.36%	45,959	0.001	5,816	1.9	6.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPI	65,000	1.7%	78.2	72.6	51,900	64,900	3.9	52.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	24,900	4.6%	9.2	2.6	15,438	24,600	1.9	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ASP	12,350	3.8%	5.3	3.2	4,370	11,900	1.1	3.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HUT	14,300	-3.4%	82.6	28.2	14,800	20,500	1.4	30.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	5,780	-0.3%	5.3	2.8	5,800	12,650	0.5	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACC	4,190	-6.9%	14.6	1.9	4,500	14,000	0.3	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	3,200	14.3%	10.4	1.5	1,700	8,100	-1.1	-1.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAN	21,250	2.2%	24.5	7.5	20,050	26,771	1.0	4.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HPX	4,360	4.6%	8.9	3.0	4,000	6,150	0.4	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	114,000	2.0%	10.8	2.9	57,667	149,817	5.2	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/08/2026	31/07/2026	30/07/2026	29/07/2026	28/07/2026	27/07/2026	24/07/2026	23/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	20%	21%	19%	18%	18%	19%	19%
		Dưới	78%	80%	79%	81%	82%	82%	81%	81%
	MA50	Trên	28%	23%	25%	20%	18%	18%	18%	19%
		Dưới	72%	77%	75%	80%	82%	82%	82%	81%
	MA20	Trên	35%	27%	27%	16%	15%	15%	14%	14%
		Dưới	65%	73%	73%	84%	85%	85%	86%	86%
VN30	MA200	Trên	30%	23%	23%	23%	20%	20%	20%	23%
		Dưới	70%	77%	77%	77%	80%	80%	80%	77%
	MA50	Trên	40%	20%	20%	20%	20%	20%	17%	20%
		Dưới	60%	80%	80%	80%	80%	80%	83%	80%
	MA20	Trên	57%	17%	17%	7%	10%	10%	7%	10%
		Dưới	43%	83%	83%	93%	90%	90%	93%	90%
HNX	MA200	Trên	28%	27%	27%	25%	25%	27%	27%	27%
		Dưới	72%	73%	73%	75%	75%	73%	73%	73%
	MA50	Trên	26%	26%	23%	20%	20%	23%	24%	23%
		Dưới	74%	74%	77%	80%	80%	77%	76%	77%
	MA20	Trên	28%	27%	27%	25%	25%	27%	27%	27%
		Dưới	72%	73%	73%	75%	75%	73%	73%	73%
UPCOM	MA200	Trên	30%	28%	27%	26%	25%	24%	24%	26%
		Dưới	70%	72%	73%	74%	75%	76%	76%	74%
	MA50	Trên	32%	31%	31%	30%	29%	29%	29%	32%
		Dưới	68%	69%	69%	70%	71%	71%	71%	68%
	MA20	Trên	34%	32%	33%	32%	32%	32%	31%	33%
		Dưới	66%	68%	67%	68%	68%	68%	69%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	Tháng 8										Tháng 7									
	03 ↓	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07
1 Tài nguyên Cơ bản	58	54	51	48	45	45	41	41	41	36	38	39	34	36	34	44	47	50	50	51
2 Ô tô và phụ tùng	57	56	54	54	52	51	51	50	50	50	48	49	48	48	47	47	48	51	51	52
3 Bán lẻ	50	42	35	29	24	24	28	27	25	27	30	31	35	39	38	37	43	45	43	44
4 Điện, nước & xăng d...	49	37	36	36	36	36	37	37	38	39	44	48	39	39	39	38	41	39	39	40
5 Thực phẩm và đồ uố...	44	42	41	36	33	31	31	34	36	36	39	41	40	41	42	42	45	46	47	48
6 Ngân hàng	40	35	33	32	32	33	34	36	38	41	44	46	45	46	48	51	56	62	64	65
7 Xây dựng và Vật liệu	33	31	28	27	28	27	27	26	25	27	29	34	34	37	36	36	37	40	41	41
8 Hàng & Dịch vụ Côn...	32	29	29	24	22	23	24	25	26	25	30	33	34	36	37	35	37	41	42	43
9 Dịch vụ tài chính	31	34	30	28	25	30	35	35	34	36	40	45	44	48	50	53	61	67	68	68
10 Hóa chất	31	30	28	24	24	24	23	23	24	25	29	32	32	33	32	32	38	41	37	34
11 Công nghệ Thông tin	30	23	20	18	17	16	17	17	16	20	24	21	22	27	30	33	36	37	39	45
12 Dầu khí	30	31	30	29	28	31	25	23	23	32	37	46	49	53	43	32	32	32	25	22
13 Du lịch và Giải trí	30	26	24	22	22	23	25	26	28	31	33	39	39	42	48	49	51	55	54	56
14 Bất động sản	29	27	26	22	20	21	21	20	21	22	24	27	26	27	28	28	29	33	33	33
15 Hàng cá nhân & Gia ...	27	23	21	17	16	16	17	16	15	15	16	20	22	22	24	23	24	25	27	32

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	148,000	-0.1%	13.0%	607,897	2.3	7.6	19,436	785.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	60,800	2.5%	12.6%	508,025	2.1	12.2	4,984	462.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,800	2.9%	2.8%	57,459	2.9	12.0	3,723	54.4	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	114,000	2.0%	21.5%	34,200	5.2	9.7	11,736	10.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GMD	77,100	0.1%	6.6%	32,883	2.4	12.7	6,061	84.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VPI	65,000	1.7%	4.2%	20,803	3.9	52.0	1,250	78.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	52,000	3.8%	6.8%	14,370	2.4	30.2	1,723	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PHP	38,800	3.7%	11.5%	12,634	1.9	10.3	3,743	9.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	30,550	2.9%	5.9%	11,145	2.6	117.8	259	104.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ORS	14,100	1.8%	10.2%	8,797	1.1	17.2	822	56.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PET	38,000	0.0%	7.0%	5,880	2.4	19.1	1,989	6.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	49,100	2.1%	7.0%	4,740	1.9	10.3	4,779	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VVS	101,900	0.9%	0.2%	4,387	4.1	3.4	29,749	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	34,600	5.2%	17.3%	3,676	1.5	6.7	5,172	16.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
CLI	28,900	2.5%	9.1%	2,581	0.0	0.0	0	12.0	Tích cực	9.5			
VTZ	20,500	0.5%	1.0%	1,561	1.7	23.0	891	22.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	10,200	-1.0%	5.2%	1,159	1.0	36.8	278	23.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SCL	24,900	4.6%	10.2%	935	1.9	8.9	2,778	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ASP	12,350	3.8%	13.8%	461	1.1	3.5	3,520	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNI	6,950	3.0%	13.7%	365	0.7	6.1	1,144	10.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HUT	14,300	-3.4%	-3.4%	15,276	1.4	30.0	476	82.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,600	0.0%	-1.8%	1,953	0.8	8.9	1,873	10.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACC	4,190	-6.9%	-13.6%	440	0.3	10.5	399	14.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVD	18,100	-0.3%	-1.1%	16,792	1.0	15.1	1,198	67.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
OIL	13,100	0.8%	1.6%	13,412	1.2	22.1	588	14.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	53,000	0.8%	-0.4%	11,101	1.2	8.2	6,457	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	14,000	2.2%	0.0%	1,708	1.0	59.0	237	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	5,780	-0.3%	-2.4%	617	0.5	9.2	627	5.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	46,900	-0.6%	-1.5%	17,241	1.6	8.9	5,268	7.9	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BCM	36,900	3.4%	5.1%	38,192	1.8	17.9	2,066	27.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	14,000	0.0%	2.2%	17,744	1.1	5.0	2,800	36.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	33,150	6.9%	0.8%	16,964	1.2	5.8	5,673	260.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	12,550	2.0%	1.6%	8,042	1.0	10.3	1,216	11.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TOS	96,000	4.7%	-6.8%	7,134	3.0	6.9	13,720	9.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,740	0.4%	-0.2%	2,130	0.4	32.0	148	13.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	26,400	5.2%	8.6%	1,906	0.7	10.9	2,432	20.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NRC	4,800	2.1%	-2.0%	444	0.4	30.2	159	11.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	71,900	0.1%	-1.5%	15,793	5.3	15.7	4,583	13.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCM	26,450	0.2%	-1.3%	2,910	1.3	11.2	2,371	5.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	29,950	3.5%	6.0%	212,233	1.2	7.8	3,829	398.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,760	-1.46%	9.50%	25,500	186.8%	(337)	0.8	-26.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	18,000	3.15%	9.76%	42,600	144.1%	1,565	1.1	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	21,700	-2.25%	8.50%	45,800	106.3%	1,407	0.8	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,850	3.95%	8.72%	21,400	87.7%	2,909	0.9	4.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	23,350	3.78%	15.02%	40,500	80.0%	1,048	1.5	22.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,400	1.55%	5.81%	28,700	77.7%	1,803	1.0	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	29,000	4.69%	11.32%	48,900	76.5%	3,441	1.2	8.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	38,300	1.19%	9.74%	66,800	76.5%	3,173	2.0	12.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,500	1.17%	3.60%	60,000	76.0%	4,107	1.1	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,800	2.60%	8.24%	23,100	71.7%	1,983	0.7	7.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	19,600	4.26%	10.73%	31,900	69.7%	1,738	1.1	11.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	18,600	1.64%	14.11%	30,800	68.3%	2,711	1.0	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	31,050	1.14%	7.07%	51,000	66.1%	4,945	1.4	6.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DXG	10,850	5.34%	8.83%	17,000	65.0%	157	1.0	69.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	22,550	3.92%	10.81%	35,400	63.1%	2,750	1.4	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CTG	31,800	3.25%	10.61%	50,000	62.3%	5,172	1.2	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,300	2.15%	5.71%	52,700	61.7%	5,201	2.1	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBB	24,000	6.67%	10.85%	36,000	60.0%	3,734	1.3	6.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	34,200	2.09%	7.38%	52,000	55.2%	5,856	1.0	5.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,500	2.82%	3.87%	38,000	53.2%	3,758	1.1	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn